

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/DS-PT
Ngày: 24/7/2023
V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Bế Chiến

Các Thẩm phán: Ông Dương Văn Sơn

Bà Doanh Thị Mây

Thư ký phiên tòa: Ông Nông Hữu Duy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Nha - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2023/TLPT-DS ngày 23/5/2023 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạch An bị kháng cáo,

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 65/ 2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Đinh Hồng A (Đinh Văn Điền)

Nơi cư trú: Xóm C1, xã D1, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng
(Vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Chị Vi Thị C – Sinh năm 1986

Nơi cư trú: Xóm C1, xã D1, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng
(Có mặt)

- ***Bị đơn:*** Ông Đinh Vĩnh B - Sinh năm 1964

Nơi cư trú: Xóm C1, xã D1, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng
(Có mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Thị D – Sinh năm 1967

Nơi cư trú: Xóm C1, xã D1, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng
(Có mặt)

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh Đinh Văn Báo (Đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Ông Đinh Văn A, chị Vi Thị C, cháu Đinh Thị Khánh E1, cháu Đinh Thanh G1 (Chị Vi Thị C là người đại diện)

2. Chị Đinh Thị E – Sinh năm 1983

Nơi cư trú: Bản Nghèn, xã D1, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng

(Vắng mặt, đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

3. Chị Đinh Thị G

Nơi cư trú: Tổ 4, phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái

Nguyên

(Vắng mặt, đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

4. Ông Đinh Văn H – sinh năm 1955, Bà Đinh Thị I – Sinh năm 1960; Nơi cư trú: Xóm C1, xã D1, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng

(Cùng có mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cao Bằng; (Có mặt)

- Đại diện Ủy ban nhân dân xã D1: Ông Nông Xuân L – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã (Có mặt)

- Người làm chứng:

1. Bà Hoàng Thị M – Vắng mặt

2. Bà Lý Thị N – Vắng mặt

3. Bà Hà Thị O – Vắng mặt

4. Bà Đàm Thị P – Có mặt

5. Bà Điền Thị Q – Vắng mặt

6. Ông Tô Văn R – Vắng mặt

7. Bà Đinh Thị S – Vắng mặt

8. Ông Đinh Xuân T – Vắng mặt

9. Ông Đinh Văn X – Vắng mặt

10. Bà Hoàng Thị Y – Vắng mặt

11. Bà Đinh Thị Z – Vắng mặt

12. Bà Đường Thị A1 – Vắng mặt

13. Ông Đinh Văn B1 – Vắng mặt

Cùng trú tại: Xóm C1, xã D1, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Đinh Vĩnh Cừ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày: Hộ ông Đinh Văn Điền (tên gọi khác Đinh Hồng A) được giao 01 (một) lô đất số 48a, diện tích 10.000m², thuộc xóm Xóm C1, xã D1, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng theo Quyết định số 100/QĐ/UB ngày 21/10/1995 của Ủy ban nhân dân huyện Thạch An. Ngày 24/11/1995, tiến hành giao nhận rừng và đất để trồng rừng. Sau khi được giao đất gia đình ông Điền đã trồng quế. Ngày 01/1/1999, Ban quản lý dự án 327 huyện Thạch An và ông Đinh

Văn Điền đã ký hợp đồng khoán trồng rừng phòng hộ phân tán số 152/HĐK, diện tích đất trồng cần trồng: 0,2ha, số lượng: 100 cây; loại cây trồng: cây hời. Gia đình ông Điền đã nhận cây, tiến hành trồng và chăm sóc. Ngày 14/02/2000, Ban quản lý dự án PAM-5322 huyện Thạch An và ông Điền ký Hợp đồng trồng rừng PAM-5322 số 192/HĐTR-PAM. Theo Hợp đồng, gia đình ông Điền nhận trồng 01ha tại khu vực Khau Lùng, lô số 48a, loại cây trồng: hời; số lượng: 400 cây/ha. Gia đình ông Điền đã nhận cây và trồng trên lô đất số 48a. Ngày 05/12/2000 và 20/10/2001 Ban quản lý dự án đã tiến hành nghiệm thu, kết quả tỷ lệ sống trên toàn diện tích rừng trồng sau chăm sóc năm thứ 3 là 85%, do đó gia đình đã được cấp phát 500kg gạo. Đến năm 2004-2005 nhà nước mở đường từ Đông Khê đến Cửa khẩu Đức Long đã làm qua lô đất của gia đình ông Điền, ông Điền đã được nhận khoảng 24.000.000đ tiền bồi thường cây trám đen, hời, quế và một số cây rừng khác. Trên lô đất này, hàng năm gia đình ông Điền vẫn phát cỏ, chăm sóc cây rừng nhưng do hoàn cảnh gia đình neo người, ông Điền là bệnh binh sức khỏe yếu, bị tai biến, con trai là bộ đội công tác xa nhà, con dâu sinh con nhỏ nên việc chăm sóc rừng không được thường xuyên. Đến ngày 05/10/2020, chị C đi phát đồi đã gặp ông Đinh Vĩnh B khai thác quế trên thửa đất. Chị C đi phát đồi cũng mới biết ông B đã trồng cây quế và cây mai trên lô đất của gia đình khoảng 02 năm. Tranh chấp phát sinh đã được Ủy ban nhân dân xã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được công nhận quyền sử dụng đối với lô 48a bản đồ giao đất giao rừng năm 1994 (thửa số 291 tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã D1).

Bị đơn và người đại diện của Bị đơn trình bày: Tổ tiên, cha ông của ông B là người bản địa sống ở địa phương từ lâu đời. Thửa đất đang có tranh chấp có tên gọi là Pò Cốc Bậy. Lô đất này trước thời điểm nhà nước chưa giao đất rừng cho hộ gia đình quản lý cha ông và bố mẹ ông B đã trồng các loại cây như cây trám đen, sớ, quế, khế, hóp...còn nhỏ ông B được theo cha mẹ đi nhặt quả trám đen. Hàng năm, gia đình ông B vẫn chăm sóc và thu hoạch sản phẩm, phần đất bằng thì trồng hoa màu. Thời điểm nhà nước giao đất rừng cuối năm 1995 thôn triển khai và thông báo cho người dân biết: đất đã có người quản lý và có cây ăn quả lâu năm thì không giao, chỉ giao cây rừng nguyên sinh. Năm 2000, khi phát hiện vợ ông Điền phát cây, gia đình đã ngăn cản, đồng thời thông báo chính quyền thôn và kiểm lâm, tuy nhiên kiểm lâm trả lời việc này không phải do kiểm lâm. Năm 2005, ông B làm đơn và được các cơ quan chức năng giải quyết (trưởng thôn, địa chính xã, huyện, cục tài nguyên môi trường đến để khảo sát chuẩn bị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng). Các cơ quan chức năng căn cứ vào đơn trình bày đã tiến hành khảo sát thực tế, vườn đồi chỉ có các cây ăn quả: cây trám, sớ, quế, mai, khế...không có cây hời trong Chương trình PAM nên ông Điền không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này. Tuy nhiên, thời điểm đó giấy tờ không chặt chẽ không thu hồi lại giấy tờ của ông Điền, cũng không cho gia đình ông B biên bản. Từ đó đến nay gia đình ông B vẫn quản

lý, phát cỏ, thu hái sản phẩm. Trong hai lần nhà nước làm đường, gia đình ông B đều được nhận tiền bồi thường về cây, gia đình ông Điền không có tranh chấp. Ông B cũng cho rằng năm 1995, ông Điền có đăng ký trồng rừng PAM nhưng ở nơi khác, vì ở xa nên không nhận, ông Điền nhận vào đợt thứ hai, vì không còn đất nên mới chia lô 48 thành 48a là để hợp lý hóa với PAM 5322 thì Chương trình PAM mới cấp gạo, cây trồng, phân bón. Cơ quan nhà nước thực hiện giao đất không đúng với thực tế khách quan, không đến tại thực địa để giao, kiểm tra. Hiện tại nhiều cây trám đen, sớ, mai, khế của cha ông bố mẹ trồng vẫn còn ở đó là vật chứng chứng minh thửa đất đã được gia đình quản lý sử dụng từ lâu đời. Vì vậy, bị đơn không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị công nhận quyền sử dụng của bị đơn đối với phần đất tranh chấp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đinh Thị E, Đinh Thị G trình bày: Khi nhà nước giao đất rừng cho gia đình khoảng năm 1994-1995, chị E đang là học sinh được giúp bố mẹ trồng cây hồi trên đất được giao tại Khau Lùng Tắm. Khi được cấp phát cây hồi trong giai đoạn thực hiện PAM 5322 chị E cũng là người trực tiếp trồng hồi. Quá trình trồng cây gia đình luôn chăm sóc, bảo vệ cây cối và rừng. Tuy nhiên năm 2001, bà Nhung tai nạn qua đời, ông Điền sau đó bị tai biến, anh trai (anh Báo) là bộ đội công tác xa nhà nên không có điều kiện chăm sóc rừng thường xuyên. Đến năm 2014, anh Báo chuyển công tác về Thạch An, khi đó gia đình đi chăm sóc vườn hồi thì mới phát hiện ông B đã trồng cây vào thửa đất gia đình được giao. Năm 2004-2005, gia đình được bồi thường khi làm đường bị ảnh hưởng cây cối. Chị E, chị G đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đinh Văn H trình bày: Năm 1995 khi nhà nước giao đất những thửa đất đã có người quản lý thì nhà nước không giao, chỉ giao những phần đất rừng tự nhiên. Thửa đất Pò Cốc Bầy gia đình ông quản lý từ thời cụ Đinh Văn Quế (ông nội của ông H và ông B). Gia đình ông Điền không được giao phần đất Pò Cốc Bầy mà đến năm 2000 mới hợp thức hóa để nhận cây theo Chương trình PAM 5322. Theo Quyết định 100 thì đất giao cho gia đình ông Điền là đất trống, nhưng trên thực tế đất đã có cây rừng tự nhiên và một số cây do tổ tiên gia đình trồng. Qua thẩm định tại chỗ cho thấy, một phần đất do nguyên đơn xác định nằm trong thửa đất số 55 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp. Ông H nhất trí xác định ranh giới của thửa đất theo bản đồ địa chính.

Những người làm chứng Đinh Thị Z, Hà Thị O trình bày: Thửa đất tranh chấp giữa ông Điền và ông B trước đây được các hộ trong thôn Xóm C1 sử dụng chung. Gia đình ông B không trực tiếp quản lý, canh tác mà ông Hác Sắn từ bên Quốc Khánh sang mua ruộng có lên phát để trồng sắn. Sau khi ông Hác Sắn vào miền nam, ông Bền (người mua lại nhà ông Sắn) trồng lúa nương nhưng sau đó bỏ hoang và làm bãi chăn thả của xóm. Khoảng những năm 1994-1995 nhà nước thực hiện việc giao đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình, thôn có ý kiến khu đất đó

để làm bãi chăn thả nhưng do gia đình ông Điền không có đất rừng nên thôn thống nhất chia cho ông Điền. Sau khi được giao đất, gia đình ông Điền cho trồng cây hồi theo chương trình PAM.

Người làm chứng Hà Thị Vâng trình bày: Năm 1984 gia đình bà Vâng mua nhà của ông Hà Văn Sắn. Sau khi mua nhà với ông Sắn thì gia đình có trồng sắn trên lô đất 48a (đất này gia đình ông Sắn quản lý, canh tác). Sau đó đất bạc màu nên không canh tác nữa. Khi Nhà nước thực hiện việc giao đất lâm nghiệp, gia đình bà Vâng không nhận vì không có cây to. Về sau lô đất không có ai nhận, gia đình ông Điền không có đất rừng nên ông Điền đã nhận đất. Sau khi nhận đất, gia đình ông Điền đã trồng hồi theo Chương trình PAM 5322. Khi vợ ông Điền còn sống có đi phát, tu bổ rừng nhưng từ khi vợ ông Điền chết, ông Điền bệnh tật mới không tu bổ nữa. Khi gia đình bà nhận chuyển nhượng với ông Sắn trên đất chỉ có 01 cây trám đen, số cây hiện nay có là mọc tự nhiên. Cây hồi, quế là do gia đình ông Điền trồng, cây mai ông B mới trồng gần đây, cây sớ, trám là tự mọc. Bà Vâng cũng cho rằng từ năm 1984 gia đình bà canh tác sau đó bỏ hoang không ai canh tác trên thửa đất tranh chấp, gia đình ông B không canh tác thửa đất này.

Người làm chứng Hà Thị M trình bày: Bà sinh sống tại xóm Xóm C1 từ năm 1975 cho đến nay, bà sinh sống gần thửa đất tranh chấp. Bà M cho rằng bà không thấy gia đình ông B canh tác đất Pò Cốc Bậy. Pò Cốc Bậy có cây trám to, chim chóc tha hạt nên khu vực đó mới đó mới mọc nhiều cây trám. Khi nhà nước giao đất, khu đất Pò Cốc Bậy gia đình ông B không nhận đất để sử dụng vì ông B cho rằng nhận nhiều đất sợ phải nộp thuế nhiều, nên ông Bồng – trưởng thôn thời điểm đó đã phân phần đất này cho ông Điền. Sau khi ông Điền nhận đất đã trồng cây hồi, bà Nhung vợ ông Điền là người trực tiếp trồng cây.

Người làm chứng Lý Thị N trình bày: Bà N cùng bà Nhung (vợ ông Điền) đi Danh Sỹ xin cây quế về trồng, tuy nhiên thời điểm bà N không nhớ chính xác. Khi xin được cây về bà Nhung để luôn trên thửa đất để sáng hôm sau trồng. Bà Nhung là người trực tiếp trồng cây quế, số lượng khoảng hai mươi cây.

Người làm chứng Hà Đức Trung trình bày: Ông Trung là con trai ông Hà Văn Sắn, ông Trung không có quan hệ họ hàng hay mâu thuẫn gì với ông Điền và ông B. Ông Trung không biết về nguồn gốc khu đất gọi là Khau Lùng Tắm, tuy nhiên khi sinh sống cùng gia đình thì ông Trung nhận thức được bố ông (ông Hà Văn Sắn) đang trực tiếp quản lý, sử dụng khu đất trên. Về cây trồng trên đất: ông Trung có tham gia trồng mỳ (sắn), trồng lúa cùng gia đình trên khu đất, khi ông Trung lớn lên thì trên đất đã có mấy cây khế, cây trám mang lại thu nhập nhưng ai trồng thì ông Trung không biết. Đến năm 1984, gia đình ông chuyển vào xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước sinh sống, gia đình không bán hoặc cho ai khu đất đó. Tại thời điểm ông Trung sinh sống ở Xóm C1, ông Trung không thấy gia đình ông B canh tác, sử dụng khu đất Khau Lùng Tắm.

Người làm chứng Đường Thị A1 trình bày: Bà A1 là hàng xóm của ông Điền và ông B. Thửa đất tranh chấp giữa ông Điền và ông B được nhà nước giao cho

gia đình ông Điền. Sau khi được giao đất, bà Nhung cùng bà A1 và bà N sang Danh Sỹ xin cây quế về trồng. Bà Nhung trồng ở Khau Lùng trên phần đất đã được giao. Sau khi bà Nhung chết, con trai bà Nhung đi bộ đội đóng quân ở xa nên ông B mới tranh chấp. Khi nhà nước làm đường đền bù thì gia đình ông Điền nhận tiền đền bù.

Người làm chứng Đàm Thị P trình bày: Bà P là chị Dâu của ông B và cũng có quan hệ họ hàng với ông Điền. Bà P cho rằng từ khi bà về làm dâu bà thấy gia đình đi hái trám, đến bây giờ vẫn tiếp tục hái quả. Trên đất hiện nay có cây trám, cây sớ, cây tre. Ông B hiện nay đã trồng cây hồi, quế hiện nay đã cao bằng người. Khi có chủ trương giao đất rừng, mảnh đất này không chia cho ai vì là đất của ông cha nên không chia. Ông Điền yêu cầu được công nhận quyền sử dụng đối với phần đất tranh chấp là không hợp pháp vì, hợp lý. Vì mảnh đất này là tổ tiên, ông cha để lại cho ông B nên phải trả lại ông B. Năm 2005, khi đo đạc để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất những người tiến hành đo đạc cũng nói là không cấp Giấy chứng nhận cho ông Điền.

Người làm chứng Đinh Thị S trình bày: Bà S có quan hệ họ hàng với ông Điền và ông B. Về nguồn gốc thửa đất bà S cho rằng thửa đất có nguồn gốc của ông Đinh Chánh Quế. Trước đây trên đất ông Quế có trồng một số cây trám, cây sớ, chè, cây khế thì tự mọc. Sau đó ông Quế giao lại cho vợ của ông Diệm (con dâu ông Quế). Vì ông B sinh sống cùng với mẹ nên tiếp tục quản lý, sử dụng đất. Bà S biết về nguồn gốc đất là do bà sinh ra và lớn lên tại Xóm C1. Ngày trước bố mẹ bà S có mượn đất của ông Quế để canh tác nên khi còn nhỏ bà được đi làm nương cùng bố mẹ ở khu vực gần thửa đất tranh chấp. Hiện nay bà S thấy gia đình ông B thu hoạch trám trên thửa đất, không có ai có ý kiến gì.

Người làm chứng Đinh Xuân T trình bày: Mảnh đất tranh chấp là của tổ tiên nhà ông B để lại. Tổ tiên nhà ông B đã làm nhà và sinh sống ở dưới chân đồi đầu tiên. Trước đây có đường đi Đông Khê qua đấy. Ông Quế (ông cụ của ông B) đã quản lý phần đất đấy. Cũng không biết vì lý do gì mà địa chính lại giao phần đất đó cho ông Điền. Khi nhà nước tiến hành giao đất không thông báo công khai cho cộng đồng dân cư thửa nào được giao cho ai, cũng không niêm yết công khai. Từ khi được nhà nước giao đất gia đình ông Điền không ai phát cây vì ông Điền bệnh tật. Hai gia đình trước cũng không có tranh chấp gì là do địa chính giao nhầm đất của tổ tiên ông B cho ông Điền. Thời kỳ Hợp tác xã ông Hà Văn Sắn có phát nhưng chỉ là khu vực xung quanh nhà. Phần do các ông Quế, Sử, Xuân quản lý, canh tác thì không phát đến. Việc ông Điền yêu cầu được sử dụng đất theo ông T là không hợp lý vì xét về lịch sử thì mảnh đất đó là của tổ tiên ông B.

Người làm chứng Tô Văn R trình bày: Ông R là trưởng thôn Xóm C1 trong khoảng 10 năm từ năm 2007. Trong thời gian ông làm trưởng thôn giữa ông Điền và ông B chưa xảy ra tranh chấp. Theo ông được biết thì thời Pháp thuộc thửa đất do ông Đinh Chánh Quế quản lý. Thời kỳ làm trưởng thôn, ông R được tham gia kiểm đếm mở đường thị trấn Đông Khê – cửa khẩu Đức Long năm 2015. Nhưng

ông R không nhớ chính xác lô 48a được tính cho ông Điền hay ông B.

Người làm chứng Đinh Văn X trình bày: Ông X là phổ cập viên tại xóm Xóm C1 vào khoảng năm 2000. Nhiệm vụ của phổ cập viên là phát gạo cho các gia đình theo chương trình PAM 5322, còn việc giao đất giao rừng thời kỳ trước thì ông không biết. Ông X là phổ cập viên nhưng là ở khu dưới nên không được biết, không được phát gạo cho gia đình ông Điền. Ông X tham gia nghiệm thu trồng rừng PAM 5322, phương pháp nghiệm thu là bốc thăm trúng nhà nào thì nghiệm thu nhà đấy, sau đó lấy tỷ lệ chung. Ông X cũng cho rằng, thời điểm kiểm đếm tài sản ngày 31/3/2005 ông X chưa làm trưởng thôn nên không được tham gia kiểm đếm.

Người làm chứng Đinh Văn B1 trình bày: Ông B1 cho rằng nguồn gốc thửa đất là của ông Quế. Ông B1 được nghe kể lại những cây trám to là của ông Quế. Trước đây khi ông đi chăn trâu ở khu vực này ông thấy ông B và ông Hòa (anh trai ông B) thu hoạch trám, không có ai ngăn cản hoặc tranh chấp.

Bà Hoàng Thị Y trình bày: Bà Y là hàng xóm của ông Điền và ông B. Trước khi giao đất, giao rừng khu đất tranh chấp là đất rừng tự nhiên chưa trồng cây gì cũng như ai canh tác. Bà Y về làm dâu từ năm 1986, từ đó đến nay bà Y chưa thấy gia đình ông B canh tác. Trước có thời kỳ gia đình bà Vâng canh tác nhưng từ khi giao đất cho ông Điền thì không còn canh tác. Trên đất trước đây có cây trám, gia đình bà Vâng vẫn thường xuyên thu hái quả. Một số cây quế to là bà Nhung trồng. Khi đó có cả bà N và bà A1 cùng bà Nhung đi Danh Sỹ lấy cây quế về trồng. Gia đình ông Điền đã được nhà nước giao đất nên gia đình ông Điền yêu cầu được công nhận quyền sử dụng đất là đúng, gia đình ông B không canh tác trên mảnh đất này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Ủy ban nhân dân huyện Thạch An đã có văn bản thể hiện: Việc giao lô đất số 48a, diện tích 10.000,0m² từ bản đồ giao đất giao rừng năm 1995 của xã D1 cho ông Đinh Văn Điền, trú tại thôn Xóm C1, xã D1, huyện Thạch An là đúng theo trình tự quy định của Luật đất đai ngày 14/7/1993 và Nghị định số 02/NĐ-CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ, ban hành quy định về giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp. Ủy ban nhân dân huyện Thạch An giao rừng và đất lâm nghiệp cho ông Đinh Văn Điền không lấy đất lâm nghiệp của ông Đinh Vĩnh B để giao cho ông Đinh Văn Điền. Vì trước năm 1994 khi Nhà nước chưa giao đất giao rừng thì đất lâm nghiệp thuộc UBND xã quản lý chung không phải là đất đã được cấp có thẩm quyền giao cho ông Đinh Vĩnh B quản lý. Ông Đinh Vĩnh B yêu cầu được quản lý sử dụng lô đất số 48a không đúng quy định của pháp luật đất đai hiện hành, vì lô đất số 48a, diện tích 10.000,0m², đã được UBND huyện Thạch An giao cho ông Đinh Văn Điền tại Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 21/10/1995.

Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thửa đất tranh chấp, qua thẩm định xác định được: Thửa đất tranh chấp là lô 48a bản đồ giao đất giao rừng năm

1995 xã D1, theo bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã D1 phần đất tranh chấp nằm trong thửa 291 tờ bản đồ số 01. Qua việc đối khớp với bản đồ địa chính phần đất tranh chấp thuộc các thửa 54, 55, 56, 59 tờ bản đồ số 50 có tổng diện tích 9694m². Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu được công nhận quyền sử dụng phần diện tích nằm trong các thửa 54, 56, 59, ranh giới giữa phần đất tranh chấp và thửa 55 xác định theo ranh giới của bản đồ địa chính. Nguyên đơn cho rằng ranh giới trước đây là đường mòn, phía trên đường là đất giao cho nguyên đơn, dưới đường là ông H, tuy nhiên không biết vì lý do gì khi đo đạc đã đo đạc lên phía trên đường. Phần diện tích nằm trong thửa 55 đã được công nhận quyền sử dụng đất cho ông H nên không tranh chấp phần này. Đối với cây trồng trên đất, do bị đơn tự ý trồng cây trên đất của nguyên đơn, mục đích trồng cây của ông B là để tranh chấp đất nên những cây ông B đã trồng thì tự nhổ và khai thác, nguyên đơn không nhất trí bồi thường bằng giá trị cho những cây ông B đã trồng.

Tại phiên tòa, bị đơn giữ nguyên quan điểm không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị công nhận quyền sử dụng đối với phần đất tranh chấp. Đối với những cây ông B đã trồng: cây mai, trám... ông B không yêu cầu N toán bằng tiền, không đồng ý nhổ, chặt cây đi mà yêu cầu được quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Ông B cũng khai 04 cây hồi hiện nay còn là do bị đơn trồng. Bị đơn cũng cho rằng việc bồi thường về cây cho ông Điền năm 2005 là không đúng vì biên bản lập ngày 31/3/2005 là biên bản không.

Tại phiên tòa đại diện Ủy ban nhân dân xã D1 trình bày: Trình tự thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai giữa ông Đinh Văn Điền và ông Đinh Vĩnh B được thực hiện theo quy định của Luật đất đai. Tại buổi hòa giải ngày 04/12/2020, ông B trình bày: đất do tổ tiên để lại, trước đây ông bà đã trồng cây sớ, quế, chè, mai, trám đen, ông B không đề cập đến việc có trồng cây hồi. Đường Đông Khê - Cửa khẩu Đức Long do huyện làm chủ đầu tư nên xã không lưu trữ tài liệu. Ủy ban nhân dân xã phối hợp trong việc kiểm đếm nên bà D cho rằng biên bản kiểm đếm ngày 31/3/2005 do xã lập không là không có căn cứ. Khoảng năm 2005-2006 trên địa bàn xã có tiến hành đo đạc, đến năm 2009 một số hộ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay ở xã không có tài liệu nào liên quan đến việc giải quyết tranh chấp đối với lô 48a giai đoạn 2005-2006. Sổ địa chính thể hiện thửa 54, 56, 59 tờ bản đồ số 50 do Ủy ban nhân dân xã quản lý là thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chứ không phải giao cho Ủy ban nhân dân xã sử dụng. Ông Điền đã được Ủy ban nhân dân huyện là cơ quan có thẩm quyền giao đất theo Quyết định số 100/QĐ-UB ngày 21/10/1995, quyết định hiện nay vẫn còn giá trị pháp lý nên yêu cầu khởi kiện của ông Điền là có cơ sở.

Tại phiên tòa, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Về căn cứ pháp lý: Thửa đất tranh chấp là thửa 291, tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã D1 (hoặc lô 48a bản đồ giao đất giao rừng năm 1994

của xã Đúc Long) địa chỉ tại: Xóm C1, xã D1, huyện Thạch An đã được Ủy ban nhân dân huyện Thạch An giao đất lâm nghiệp cho ông Đinh Hồng A theo Quyết định số 100/QĐ-UB ngày 21/10/1995. Quyết định giao đất đúng theo quy định của Luật đất đai 1993 và Nghị định 02/NĐCP ngày 15/01/1994 của Chính phủ. Về nguồn gốc thửa đất và quá trình quản lý, canh tác sử dụng thửa đất: Sau khi nhận giao đất giao rừng, gia đình ông A đã quản lý sử dụng thửa đất và trồng cây quế, hồi trên đất (căn cứ lời khai của bà Đường Thị A1, bà Lý Thị N). Năm 1999 gia đình ông A thực hiện trồng hồi theo Hợp đồng khoán trồng rừng phòng hộ phân tán, năm 2000 thực hiện Hợp đồng trồng rừng PAM-5322, gia đình ông Điền đã được Ban quản lý dự án nghiệm thu và được cấp phát 500kg gạo. Từ khoảng năm 2001 vì hoàn cảnh gia đình neo người, vợ ông A chết, ông A bệnh binh sức khỏe không ổn định nên ông chỉ đi phát chăm sóc cây hồi còn trên đất mà không trồng mới được. Năm 2012 ông bị tai biến không đi lại được, con công tác xa nhà nên việc quản lý không được thường xuyên, liên tục. Tuy nhiên việc ông B khai có quá trình sử dụng nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh. Quá trình quản lý, canh tác của nguyên đơn có sự làm chứng của một số người dân như: ông Nông Thanh Hải, bà Đàm Thị Vâng, bà Đinh Thị Z, bà Hà Thị O, Hoàng Thị Y, Đinh Ngọc Thượng (nguyên địa chính xã)...Những người làm chứng cho biết nguồn gốc thửa đất là ông Hác Sắn lên mua, đến năm 1984 ông Sắn vào miền nam, sau đó trở thành bãi hoang chừa thả gia súc chung của xóm. Đến năm 1995 ông Điền được Ủy ban nhân dân huyện giao đất. Như vậy, dù chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng gia đình ông A đã được Ủy ban nhân dân huyện Thạch An giao đất và có quá trình canh tác liên tục, công khai, lâu dài.

Căn cứ các Điều 20, 24 Luật đất đai 1993; Điều 100, 166, 203 Luật đất đai 2013; Điều 163, 164, 169, 579, 580 Bộ luật dân sự 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được quyền quản lý, sử dụng thửa đất theo hiện trạng với diện tích đo theo kết quả thẩm định ngày 04/8/2022, yêu cầu bị đơn chấm dứt hành vi lấn chiếm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 16/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng đã căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 74, Điều 147, Điều 157, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 24, Điều 43, Điều 73 Luật đất đai 1993; Căn cứ Điều 11, Điều 26, Điều 100, Điều 166, Điều 170, Điều 202, Điều 203 Luật đất đai 2013; Căn cứ Điều 163, 164 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Công nhận quyền sử dụng của hộ ông Đinh Văn A (Tên gọi khác: Đinh Hồng A) đối với phần đất tranh chấp có diện tích là 9367m², thuộc các thửa 54, 56, 59 tờ bản đồ số 50 (484 575-5-a);

Địa chỉ: Xóm Xóm C1, xã D1, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng. Tứ cận của phần đất tranh chấp: Đông giáp mộ và đường đất; Tây giáp đất bà Hà Thị O, ông Đinh Văn Q; Bắc giáp đường Quốc lộ 34B; Nam giáp ông Đinh Văn H.

Ranh giới, hình thửa chi tiết của thửa đất theo Sơ đồ trích đo địa chính khu đất kèm theo bản án.

2. Buộc ông Đinh Vĩnh B khai thác 07 bụi mai và toàn bộ cây quế nhỏ để trả lại đất cho nguyên đơn.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/3/2023, bị đơn Đinh Vĩnh Cừ có đơn kháng cáo không nhất trí đối với bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 16/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn Đinh Vĩnh Cừ và người đại diện theo ủy quyền bà Đặng Thị D giữ nguyên đơn kháng cáo, không nhất trí với bản án sơ thẩm, những lời làm chứng cho nguyên đơn là bịa đặt và không khách quan. Gia đình tôi đã có quá trình quản lý sử dụng lâu dài. Do vậy yêu cầu được quản lý sử dụng thửa đất tranh chấp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thảo và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Vi Thị Hằng không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn Thuyết và bà Đinh Thị Hòe có ý kiến như đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện ủy ban nhân dân xã Đức Long giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết: Kháng cáo của ông Đinh Vĩnh Cừ không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý, xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp,

thu thập và giao nộp chứng cứ, thẩm định, và hòa giải, trình tự và thủ tục phiên tòa sơ thẩm...Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn luật định, nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo và các căn cứ kháng cáo của bị đơn Đinh Vĩnh Cừ.

Nội dung kháng cáo: Ông Đinh Vĩnh Cừ cho rằng những lời làm chứng cho nguyên đơn là bịa đặt và không khách quan. Gia đình ông Cừ đã có quá trình quản lý sử dụng lâu dài. Do vậy không chấp nhận với phần quyết định của bản án sơ thẩm khi cho ông Đinh Hồng Diệp được quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp, ông Cừ yêu cầu Tòa án phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm, được quyền quản lý sử dụng phần đất tranh chấp.

Quá trình nghiên cứu xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cũng như qua phần trình bày và tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa. HĐXX phúc thẩm thấy rằng:

Thứ nhất, Hộ ông Điền có giấy tờ chứng minh nguồn gốc đất và quá trình quản lý sử dụng của mình. Hộ ông Điền đã được Ủy ban nhân dân huyện Thạch An giao lô đất rừng 48a, có diện tích 1ha theo Quyết định 100/QĐ/UB ngày 21/10/1995, là loại đất trống để trồng rừng. Qua việc xem xét thẩm định tại chỗ và xác minh tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thửa đất tranh chấp được xác định là thửa đất số 48a thuộc tờ bản đồ giao đất giao rừng năm 1995 của xã D1. Tại Công văn số 624/UBND-TNMT ngày 28/5/2021 Ủy ban nhân dân huyện Thạch An cũng khẳng định: Việc giao lô đất số 48a, diện tích 10.000,0m² tờ bản đồ giao đất giao rừng năm 1995 của xã D1 cho ông Đinh Văn Điền, trú tại thôn Xóm C1, xã D1, huyện Thạch An là đúng theo trình tự quy định của Luật đất đai ngày 14/7/1993 và Nghị định số 02/NĐ-CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ, ban hành quy định về giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp. Ủy ban nhân dân huyện Thạch An giao rừng và đất lâm nghiệp cho ông Đinh Văn Điền không lấy đất lâm nghiệp của ông Đinh Vĩnh B để giao cho ông Đinh Văn Điền. Vì trước năm 1994 khi Nhà nước chưa giao đất giao rừng thì đất lâm nghiệp thuộc UBND xã quản lý chung không phải là đất được cấp có thẩm quyền giao cho ông Đinh Vĩnh B quản lý. Sau khi được giao đất, gia đình ông Điền đã ký hợp đồng trồng rừng phòng hộ phân tán, số lượng 100 cây hồi; ngày 14/02/2000 ông Điền tiếp tục ký hợp đồng trồng rừng PAM-5322 số lượng 400 cây hồi, kết quả nghiệm thu cây sống tỷ lệ 85%. Đến năm 2005, thực hiện giải phóng mặt bằng đường Thị trấn Đông Khê – Cửa khẩu Đức Long đã tiến hành kiểm đếm khối lượng tài sản cần đền bù cho thấy thiệt hại về hoa màu khi thu hồi đất của hộ ông Điền là 400 cây hồi. Kết quả thẩm định tại chỗ cũng cho thấy, lô 48a tiếp giáp đường 34B - đường hiện trạng và đường trước đây. Hộ ông Điền chỉ được giao duy nhất 01 lô đất rừng tiếp giáp đường Đông Khê – cửa khẩu Đức Long là lô 48a, như vậy, có căn cứ cho rằng gia đình ông Điền đã trồng cây hồi và số cây bị thiệt hại khi thu hồi đất để làm đường là tại lô

48a.

Thứ hai, Có nhiều người làm chứng chứng minh việc được giao, quản lý sử dụng đối với phần đất tranh chấp. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Tòa án đã thu thập được những lời khai của bà Đinh Thị Z, Hà Thị Ný, Hà Thị Vàng, Hà Thị Mí, Lý Thị N, bà Đường Thị Tuyền. Những lời khai này đã chứng minh cho quá trình quản lý sử dụng của gia đình ông Điền sau khi đã được nhà nước giao đất.

Thứ ba, lời khai ông Cừ cho rằng nhà nước giao đất nhằm cho gia đình ông Điền là không có căn cứ. Bởi lẽ, tại thời điểm đó gia đình ông Cừ chỉ được giao 01 lô đất rừng năm 1995 và trong suốt thời gian dài không tranh chấp với ai, cho đến năm 2020 mới phát sinh tranh chấp với ông Cừ. Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm UBND xã Đức Long có lời khai: Trình tự thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai giữa ông Đinh Văn Điền và ông Đinh Vĩnh B được thực hiện theo quy định của Luật đất đai. Tại buổi hòa giải ngày 04/12/2020, ông B không đề cập đến việc gia đình có trồng cây hoi. Đường Đông Khê - Cửa khẩu Đức Long do huyện làm chủ đầu tư nên xã không lưu trữ tài liệu. Ủy ban nhân dân xã phối hợp trong việc kiểm đếm nên bà D cho rằng biên bản kiểm đếm ngày 31/3/2005 do xã lập không là không có căn cứ. Khoảng năm 2005-2006 trên địa bàn xã có tiến hành đo đạc, đến năm 2009 một số hộ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay ở xã không có tài liệu nào liên quan đến việc giải quyết tranh chấp đối với lô 48a giai đoạn 2005-2006. Sổ địa chính thể hiện thửa 54, 56, 59 tờ bản đồ số 50 do Ủy ban nhân dân xã quản lý là thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chứ không phải giao cho Ủy ban nhân dân xã sử dụng. Ông Điền đã được Ủy ban nhân dân huyện là cơ quan có thẩm quyền giao đất theo Quyết định số 100/QĐ-UB ngày 21/10/1995, quyết định hiện nay vẫn còn giá trị pháp lý nên yêu cầu khởi kiện của ông Điền là có cơ sở.

Thứ tư, Tại thời điểm thực hiện việc giao đất, giao rừng cho hộ gia đình cá nhân, hộ ông Đinh Vĩnh B đã biết về chủ trương giao đất, giao rừng, đồng thời đã làm đơn và được giao đối với các thửa đất khác nhưng không đăng ký đối với thửa đất tranh chấp. Ông B cho rằng đất của tổ tiên nên không cần kê khai mà tiếp tục quản lý sử dụng là không phù hợp với quy định của pháp luật. Lý do không xin giao quyền sử dụng theo ông B là vì đất trồng cây ăn quả lâu năm, không phải đất rừng. Tuy nhiên, thửa đất được thể hiện trên bản đồ giao đất giao rừng, tiếp giáp với các thửa đất rừng khác, các cây trên đất như trám đen, hoi...đều là cây lâm nghiệp. Điều 11 Luật đất đai 2013 quy định: Căn cứ để xác định loại đất: “3. *Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp chưa được cấp Giấy chứng nhận quy định tại khoản 1 Điều này*”; Quyết định về việc giao rừng và đất lâm nghiệp để quản lý bảo vệ và phát triển sản xuất kinh doanh về lâm nghiệp số 100/QĐ-UB ngày 21/10/1995 của Ủy ban nhân dân huyện Thạch An đã thể hiện rõ thửa đất

48a là đất lâm nghiệp. Vì vậy, lời trình bày của ông B cho rằng thửa đất là đất trồng cây lâu năm, không phải đất rừng nên không xin được giao là không có căn cứ.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, HĐXX phúc thẩm xét thấy bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Đinh Vĩnh Cừ phải khai thác các cây đã trồng và trả lại đất cho nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Cừ kháng cáo nhưng không có tài liệu bổ sung bảo vệ cho yêu cầu kháng cáo của mình, do vậy cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận

Ý kiến của vị đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm để sung vào công quỹ nhà nước..

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Đinh Vĩnh Cừ. Giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 16/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Đinh Vĩnh Cừ phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm để sung công quỹ nhà nước, xác nhận ông Cừ đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ theo biên lai số 0001028 ngày 06 tháng 4 năm 2023 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng..

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- CCTHADS huyện Thạch An;
- TAND huyện Thạch An;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Toà DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Bế Chiến